

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 39-TC/TCT ngày 1-7-1991 hướng dẫn thi hành quyết định số 156-HĐBT và quyết định số 157-CT ngày 16-5-91 của Hội đồng Bộ trưởng.

Thi hành Quyết định số 156-HĐBT ngày 16-5-91 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi bổ sung chế độ đối với hàng hóa ngoại tệ của người đi hợp tác lao động, hợp tác chuyên gia, công tác, học tập ở nước ngoài mang theo hoặc gửi về nước và quyết định số 157-CT ngày 16-5-1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về chế độ đối với hàng hóa và ngoại tệ của Việt kiều mang theo khi về nước, thăm gia đình và của người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi về nước giúp đỡ người thân. Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định cụ thể tại các quyết định nói trên như sau:

I. — ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐI HỢP TÁC LAO ĐỘNG, HỢP TÁC CHUYÊN GIA, HỌC TẬP, CÔNG TÁC Ở NƯỚC NGOÀI

1. Về đối tượng được miễn thuế nhập khẩu phi mậu dịch:

Theo quy định tại điều 1 và điều 3 của quyết định số 156-HĐBT ngày 16-5-1991 của Hội đồng Bộ trưởng thì các cá nhân công dân Việt Nam được Nhà nước cử đi hợp tác lao động, hợp tác chuyên gia,

công tác và học tập ngắn hạn hay dài hạn không phân biệt ở nước nào, thì được miễn thuế nhập khẩu phi mậu dịch đối với hàng hóa mang theo hoặc gửi về nước theo các định mức miễn thuế sau đây:

2. Về định mức miễn thuế và phương pháp xác định:

a. Số lần gửi hoặc mang hàng hóa về nước được miễn thuế:

— Trong thời gian được Nhà nước cử đi hợp tác lao động, hợp tác chuyên gia, công tác, học tập ở nước ngoài mỗi người trong mỗi năm (tính theo năm dương lịch từ 1-1 đến 31-12) không phân biệt mang hay gửi hàng về nước nhiều lần thì cũng chỉ được miễn thuế 1 lần (mang hoặc gửi hàng về lần đầu tiên trong năm).

— Đối với những người có thời gian ở nước ngoài nhiều năm và các năm trước không gửi hoặc mang hàng hóa về nước thì từ nay trở đi cũng chỉ được miễn thuế một lần trong năm bằng hình thức gửi hoặc mang hàng hóa về nước.

b. Định mức hàng hóa được miễn thuế:

Định mức hàng hóa được miễn thuế trong mỗi lần gửi hoặc mang về nước được miễn thuế nói ở điểm a trên đây bao gồm định mức theo mặt hàng và định mức theo giá trị hàng hóa, cụ thể là:

+ Nếu hàng hóa mang hoặc gửi về nước là xe 2 bánh gắn máy hoặc tivi và video thì được miễn thuế 1 chiếc xe máy hoặc 1 tivi và 1 đầu video. Trường hợp chủ hàng chỉ mang 1 tivi

hoặc đầu video, thì được miễn thuế 2 tivi hoặc 2 chiếc đầu video tùy theo sự lựa chọn của chủ hàng còn các mặt hàng khác nếu được phép nhập khẩu thì phải nộp thuế nhập khẩu phi mậu dịch (đối với những mặt hàng có trong biểu thuế).

+ Nếu hàng hóa mang hoặc gửi về nước không có mặt hàng là xe 2 bánh gắn máy và tivi, đầu video thì chủ hàng được miễn thuế theo trị giá lô hàng theo các định mức dưới đây (số hàng còn lại phải nộp thuế nhập khẩu phi mậu dịch).

— Trị giá 1000 USD đối với hàng khuyến khích nhập khẩu.

— Trị giá 500USD đối với hàng hạn chế nhập khẩu.

— Trường hợp lô hàng có cả 2 loại hàng khuyến khích và hạn chế nhập khẩu, thì chủ hàng được lựa chọn một trong hai định mức miễn thuế nói trên. Nếu cả hai loại hàng mang hoặc gửi về đều chưa đủ theo định mức miễn thuế này thì được tính gộp cả 2 loại hàng cho đủ định mức để miễn thuế. Việc tính gộp 2 loại hàng được xác định theo tỷ lệ 1 USD hàng hạn chế bằng 2USD hàng khuyến khích nhập khẩu.

VD: ông Nguyễn Văn A đi hợp tác lao động ở Đức, trong năm có gửi về lần đầu là 1 lô hàng có trị giá 1200USD trong đó 800 USD là hàng khuyến khích nhập khẩu và 400 USD là hàng hạn chế nhập khẩu.

Nếu ông A chọn hàng miễn thuế là hàng khuyến khích nhập khẩu thì ngoài 800 USD hàng khuyến khích nhập khẩu được miễn thuế thì ông A còn được xét

$$\text{miễn thuế cho } 100\text{USD} = \frac{1000\text{USD} - 800\text{USD}}{2}$$

hàng hạn chế nhập khẩu. Như vậy tổng trị giá số hàng được miễn thuế của ông A là 900USD.

Ngược lại nếu ông A chọn hàng hạn chế nhập khẩu là hàng miễn thuế thì theo tỷ lệ 1/2 ngoài số hàng hạn chế nhập khẩu trị giá 400USD, ông A còn được xét miễn thuế cho 200 USD = (500 USD - 400 USD) × 2 là trị giá hàng khuyến khích nhập khẩu. Như vậy tổng trị giá số hàng được miễn thuế của ông A là 600USD.

c. Phương pháp xác định định mức hàng miễn thuế: Căn cứ bảng kê các mặt hàng mang hoặc gửi về đã thống kê theo tiêu thức hàng khuyến khích nhập khẩu, hàng hạn chế nhập khẩu (danh mục 2 loại hàng này do Bộ Thương nghiệp quy định).

Căn cứ bảng giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch do Bộ Tài chính ban hành, cơ quan Hải quan tính trị giá cho các mặt hàng đã được thống kê. Đồng thời căn cứ tỷ giá tính thuế giữa đồng Việt Nam và USD tại thời điểm kiểm hóa hàng và định mức miễn thuế để xác định tổng trị giá hàng được miễn thuế bằng tiền Việt Nam.

Trên cơ sở những căn cứ nêu trên và đề nghị của chủ hàng cơ quan Hải quan đối chiếu để xác định cụ thể số lượng các mặt hàng được miễn thuế theo định mức cho chủ hàng.

d. Về thời gian tính thuế và thu giữ đối với hàng là xe hai bánh gắn máy, tivi và đầu video;

Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày 20-5-1991 trở đi đối với số xe 2 bánh gắn máy, tivi và đầu video vượt định mức khi về đến cửa khẩu thì chủ hàng hoặc người nhận hàng phải nộp thuế nhập khẩu phi mậu dịch.

Kể từ ngày 21-8-1991 trở đi, toàn bộ số xe 2 bánh gắn máy, tivi và đầu video mang về vượt định mức đều bị coi là hàng nhập khẩu trái phép và bị thu giữ để xử lý theo các quy định hiện hành,

3. Việc mang hoặc gửi ngoại tệ về nước để mua hàng miễn thuế:

Theo quy định tại quyết định số 156-HĐBT ngày 16-5-1991 của Hội đồng Bộ trưởng thì toàn bộ người Việt Nam đi lao động chuyên gia, công tác học tập ở nước ngoài chỉ được miễn thuế theo các định mức đã hướng dẫn ở trên.

Đối với người Việt Nam lao động tại Irắc vừa qua về nước thì vẫn được mua hàng miễn thuế theo quy định tại điểm 4 công văn số 1058-PPLT ngày 9-4-1991 của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng. Việc bán hàng miễn thuế cho các đối tượng này được thực hiện theo tinh thần công văn số 406-TC-TCT/NV3 ngày 30-5-1991 của Tổng cục thuế.

Riêng lao động Việt Nam tại Đức đã về nước trước ngày 20-5-1991 trước mắt tạm ngừng, chờ chủ trương giải quyết của HĐBT.

II. — ĐỐI VỚI HÀNG HÓA CỦA VIỆT KIỀU MANG THEO KHI VỀ NƯỚC THĂM GIA ĐÌNH VÀ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI GỬI VỀ GIÚP ĐỠ NGƯỜI THÂN

1. Theo quy định tại quyết định số 157-CT ngày 16-5-1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thì tất cả những hàng hóa được phép nhập khẩu của Việt kiều mang theo khi về nước thăm gia đình và của người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi về giúp đỡ người thân thì đều phải nộp thuế nhập khẩu phi mậu dịch và lệ phí Hải quan. Khi về nước thăm gia đình thì được miễn thuế nhập khẩu đối với số hành lý và đồ dùng cá nhân theo tiêu chuẩn quy định của Hải quan.

2. Việc thu thuế nhập khẩu phi mậu dịch đối với hàng hóa được phép nhập khẩu của các đối tượng trên được thực hiện theo đúng quy định tại nghị định số 391-HĐBT ngày 10-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng và thông tư số 62-TCT/CT ngày 10-12-1990 của Bộ Tài chính. Đối với những hàng hóa là vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất của Việt kiều và người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hoặc gửi về nước thì căn cứ vào chính sách khuyến khích nhập khẩu của Nhà nước trong từng thời gian, Bộ Tài chính sẽ xem xét miễn giảm thuế nhập khẩu phi mậu dịch đối với từng trường hợp cụ thể.

III. — TỒ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc miễn thuế đối với hàng hóa mang hoặc gửi về của người Việt Nam di hợp tác lao động, hợp tác chuyên gia công tác và học tập ở nước ngoài do ngành Hải quan tổ chức thực hiện theo đúng định mức miễn thuế quy định tại quyết định số 156-HĐBT và Thông tư này.

Bộ Tài chính giao cho Tổng cục thuế phối hợp theo dõi, kiểm tra việc thực hiện những quy định trên của ngành Hải quan.

2. Thông tư này thay thế các văn bản hướng dẫn trước đây của Bộ Tài chính về thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu của các đối tượng trên.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

PHAN VĂN DĨNH